

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 22/2019/HNGS-ST

Ngày 12-7-2019

V/v "Tranh chấp

hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân*

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tuệ

2. Ông Nguyễn Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Anh Nhữ Đình C, sinh năm 1977 (có mặt)*

** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1980 (vắng mặt)*

Đều cư trú: Thôn Hội Phú, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 27/8/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nhữ Đình C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị G kết hôn năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn anh và chị G về chung sống với nhau và thuê nhà ở Hà Nội để làm ăn sinh sống, thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ anh tự ý bỏ nhà đi và nói với anh là đi làm ăn, anh có khuyên chị G nhưng không được. Vợ chồng anh ly thân nhau từ đó đến nay không liên lạc và quan tâm gì đến nhau, chị G chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại liên lạc với con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị G.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nhữ Đình Mạnh, sinh ngày 18/02/2004 và Nhữ Đình Hùng, sinh ngày 31/3/2010. Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị G. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nhữ Đình Mạnh, sinh ngày 18/02/2004 và Nhữ Đình Hùng, sinh ngày 31/3/2010, ly hôn vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với chị Nguyễn Thị G là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án chị G đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho chị G về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng chị G không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị G vắng mặt.

Toà án cũng đã tiến hành mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, án phí nhưng chị G từ bỏ quyền lợi của mình và đều không tiến hành hòa giải được do chị G vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nhữ Đình C chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chị Nguyễn Thị G không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nhữ Đình C được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nhữ Đình C phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh C và chị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị G.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nhữ Đình C, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Nhữ Đình C và chị Nguyễn Thị G xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy anh C và chị G sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ anh tự ý bỏ nhà đi làm ăn, anh C có khuyên chị G nhưng không được. Vợ chồng anh C, chị G đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay không liên lạc và quan tâm gì đến nhau, chị G chỉ thỉnh thoảng liên lạc với con. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị G.

Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh C và chị G là do trong cuộc sống bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhau nhiều năm nay. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh C xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;
Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nhữ Đình C được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

[2] Về con chung: Anh C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Anh Nhữ Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002148 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh Nhữ Đình C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

